

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHONG ĐIỀN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2018
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu An, là Thẩm tra viên tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Kim V, sinh năm 1996

Cư trú tại: số X/Y, khu phố Z, phường T, quận K, thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

Bị đơn: ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1993

Cư trú tại: ấp T, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Trần Thị Kim V trình bày: bà và ông Phạm Ngọc K tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/12/2015. Ông bà có thời gian chung sống hạnh phúc và có được 01 con chung tên là Phạm Ngọc Kim N (nữ) sinh ngày 20/4/2016; sau đó phát sinh mâu thuẫn do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, bà và ông K đã sống ly thân từ năm 2017. Nay bà và ông K không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Kim V và ông Phạm Ngọc K xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/12/2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyển số 03/2015, do đó, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Ngày 13/11/2017 bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông K đăng ký thường trú tại xã L, huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con để giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông K không đến tham dự các phiên hòa giải vào ngày 27/4/2018 và ngày 25/5/2018 nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 15/6/2018 do bị đơn không đến, vì vậy, ngày 12/7/2018 bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Theo lời trình bày của nguyên đơn, mâu thuẫn giữa bà và ông K do ông K khi uống rượu thì cãi nhau với cha mẹ vợ, ông K từng bỏ đi, sau đó vợ chồng hàn gắn nhưng chỉ chung sống một thời gian ngắn thì ly thân đến nay. Bà và ông K không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn, việc ông K không tham dự các phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa cho thấy ông K không còn tha thiết với cuộc hôn nhân của ông bà. Xét thấy, mâu thuẫn của ông bà trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Trần Thị Kim V là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, bà V và ông K có một người con chung là Phạm Ngọc Kim N (nữ) sinh ngày 20/4/2016 hiện tại đang sinh sống với bà V, bà V có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy cháu N còn nhỏ, chưa tròn 36 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ là bà V, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu N cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con, đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nguyên đơn trình bày không có nhưng chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên chưa giải quyết, trường hợp đương sự có yêu cầu thì khởi kiện thành vụ án khác. Về nợ chung: không có.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật

hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim V đối với ông Phạm Ngọc K.

- *Về con chung*: giao cháu Phạm Ngọc Kim N (nữ) sinh ngày 20/4/2016 cho bà Trần Thị Kim V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V không yêu cầu ông Phạm Ngọc K cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phạm Ngọc K, không ai được quyền ngăn cản

- *Về tài sản chung*: không có yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà V nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 005263 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H. P ;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND phường T;
- Lưu HS (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa